TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Lý;

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa***.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị M, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp MK, xã SB, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp MK, xã SB, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị M trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn Th đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã SB, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 02/4/2018.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, thời gian sau chị và anh Th phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh Th bất đồng quan điểm sống với nhau, hai bên dần không hiểu nhau, dẫn đến thường xuyên cải vã, gây lộn trong gia đình. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh anh Nguyễn Minh Th để hai bên giải thoát, có thể tạo dựng cuộc sống mới của mình.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh Th có hai con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 22/5/2004 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 11/11/2011. Hiện hai cháu đang ở cùng với chị. Vì vậy, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, cháu D và chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Chị và anh Th tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M xác nhận quá trình chung sống chị và anh Th không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày tại bản tự khai ngày 20/7/2023 như sau:

Anh thống nhất với trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh Th đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị M.

Về con chung: Đối với con tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 22/5/2004 có công việc ổn định, đủ tuổi thành niên, nên có thể tự lo cho cuộc sống của mình, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 11/11/2011 có quyền quyết định ở với cha hay mẹ là quyền của con, con ở với ai thì người đó nuôi, bên kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Anh và chị M tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Th xác nhận quá trình chung sống anh và chị M không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Văn Th. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại ấp MK, xã SB, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Đoàn Thị M, bị đơn anh Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn Th đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã SB, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 02/4/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh Th là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh Th thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị M và anh Th có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của chị M và anh Th tại bản tự khai là do bất đồng về quan điểm sống, nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên mối quan hệ này không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị M đoàn tụ gia đình, nhưng chị Minh vẫn kiên quyết ly hôn với anh Th. Đồng thời, anh Th cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị M.

Từ đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Th đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh Th là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị M và anh Th có hai con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 22/5/2004 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 11/11/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Tuy nhiên, đối với cháu Th, hiện cháu phát triển bình thường, đủ tuổi trưởng thành, nên HĐXX không xem xét. Cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ, khi cha mẹ ly hôn với nhau. Đồng thời, việc chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D cũng được anh Th thống nhất theo nguyện vọng của con. Vì vậy, HĐXX tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 11/11/2011 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị M và anh Th thống nhất anh chị tự thoả thuận, không yêu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị M và anh Th xác nhận anh chị không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Đoàn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 11/11/2011 cho chị Đoàn Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Đoàn Thị M nuôi con, anh Nguyễn Văn Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị M và anh Th thống nhất anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị M và anh Th xác định giữa anh chị không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đoàn Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000081 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị M không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- UBND xã SB, huyện HĐ, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lâm Nguyễn Thanh Huy